ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP XÃ HỘI Ở HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI

Lưu Văn Duy[1], Nguyễn Đức Nghĩa[2]

[1]Khoa Kinh tế và Quản lý, Học viện Nông nghiệp Việt Nam
[2]Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện Bảo Yên

[*]Tác giả liên hệ: luuvanduy@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 20.11.2024 Ngày chấp nhận đăng: 17.01.2025

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội ở huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Dựa trên số liệu báo cáo của huyện và kết quả khảo sát từ 43 cán bộ lao động thương binh xã hội cấp huyện và cấp xã, cùng với 90 đối tượng thụ hưởng chính sách, nghiên cứu chỉ ra rằng, đến năm 2022, huyện Bảo Yên đã trợ cấp cho 3.304 người có công, 2.687 hộ nghèo, 3.080 người cao tuổi, 880 người khuyết tật và 21 trẻ em mồ côi. Nhờ nỗ lực của cả hệ thống chính trị, hoạt động trợ giúp xã hội được thực hiện đồng bộ, có hiệu quả. Tuy nhiên, việc thực hiện chính sách trên địa bàn huyện còn nhiều bất cập như việc xác định đúng đối tượng thụ hưởng, ngân sách địa phương eo hẹp, đội ngũ cán bộ chuyên môn còn kiêm nhiệm ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện chính sách. Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường thực hiện chính sách trợ giúp xã hội cho huyện Bảo Yên như: Hoàn thiện bộ máy thực hiện chính sách trợ giúp xã hội; Tăng cường huy động nguồn lực ngoài ngân sách; thường xuyên kiểm tra, giám sát tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách và thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực trợ giúp xã hội.

Từ khóa: Trợ giúp xã hội, an sinh xã hội, thực hiện chính sách, Bảo Yên.

Evaluation of Social Assistance Policy Implementation in Bao Yen District, Lao Cai Province

ABSTRACT

This study aimed to analyze the policy implementation on social assistance in Bao Yen district, Lao Cai province. Based on the secondary data of Bao Yen district people's commitee and the results of a survey of 43 social affairs officers, along with 90 beneficiaries, the study shows that Bao Yen district had provided subsidies to 3,304 meritorious people, 2,687 poor households, 3,080 elderly people, 880 disabilities people and 21 orphans in 2022. Thanks to the efforts of the entire political system, social assistance activities were implemented synchronously and effectively. However, the implementation of policies in the district still had many shortcomings such as identifying the right beneficiaries, limited local budget, and the social affairs officers holding concurrent positions, affecting the effectiveness of policy implementation. The study proposed several solutions to strengthen the policy implementation of social assistance for Bao Yen district such as completing the apparatus for implementing social assistance policies; increasing the mobilization of non-budgetary resources; regularly inspecting and supervising the implementation of regimes and policies, and reforming administrative procedures in the social assistance.

Keywords: Scocial support, social welfare, policy implimentation, Bao Yen.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chính sách trợ giúp xã hội luôn được xác định là một trong những chính sách đặc biệt quan trọng, thể hiện nét đặc trưng cơ bản của định hướng phát triển đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trong bối cảnh đất nước còn nhiều khó khăn, bảo đảm an sinh xã hội được Đảng xác định là nhiệm vụ thường xuyên và quan trọng hàng đầu (Ban chấp hành Trung ương Đảng 2023). Dù đã có nhiều chuyển biến tích cực về đời sống vật chất, nhưng kết quả đạt

được trong đảm bảo an sinh xã hội còn hạn chế. Theo ILO Việt Nam (2024), Việt Nam dành khoảng 4% GDP cho an sinh xã hội (không bao gồm y tế). Nếu tính chi thêm cho y tế là 3,8% GDP năm 2023 thì tổng chi cho an sinh xã hội ở Việt Nam đạt 7,8%, thấp hơn nhiều so với bình quân chung toàn cầu là 19,3%. Quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng ta về chính sách xã hội, ngay từ những năm đầu tái lập, trong điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, tỉnh Lào Cai đã luôn quan tâm chỉ đạo, xây dựng các chính sách, giải pháp, ưu tiên nguồn lực năm sau cao hơn năm trước để tập trung giải quyết tốt các vấn đề xã hội và coi việc chỉ đạo thực hiện có hiệu quả chính sách xã hội luôn là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể trong tỉnh. Theo số liệu thống kê của Sở Tài chính tỉnh Lào Cai (2024), ngân sách tỉnh chi cho an sinh xã hội năm 2022 chiếm 6,7% tổng giá trị sản xuất toàn tỉnh, là một trong những địa phương có mức chi ngân sách cho an sinh xã hội ở mức trung bình cao.

Với vai trò đặc biệt quan trọng, đã có một số nghiên cứu, công trình, bài viết về an sinh xã hội, trong đó đề cập đến thực hiện chính sách trợ giúp xã hội. Cục bảo trợ xã hội (2000) đã hệ thống hóa các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về bảo trợ xã hội tại Việt Nam và là tài liệu quan trọng giúp cho việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội ở các địa phương. Nghiên cứu của Lê Bạch Dương & cs. (2005) đã chỉ ra rằng, bảo trợ xã hội gồm có 3 chức năng chính là các biện pháp nhằm nâng cao năng lực, các biện pháp phòng ngừa giúp người dân khỏi rơi vào sự khủng hoảng cần đến sự bảo trợ và các biện pháp bảo vệ. Tác giả Nguyễn Hải Hữu (2007) tiếp cận theo quan điểm hoạch định chính sách, từ đó kiến nghị các giải pháp tiếp tục hoàn thiện chính sách trợ cấp xã hội, khám chữa bệnh, giáo dục và các chính sách bộ phận khác. Nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Toản (2010) làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên cộng đồng; đánh giá thực trạng chính sách trợ giúp thường xuyên cộng đồng, từ đó nêu kiến nghị giải pháp hoàn thiện chính sách. Nghiên cứu của Lê Quốc Lý (2014) đã phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn về những trở ngại trong thực thi chính sách trợ giúp xã hội thông qua việc đánh giá nhóm cán bộ thực thi và đối tượng thụ hưởng chính sách và đề xuất nhóm giải pháp khắc phục những trở ngại trong thực thi chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam. Nghiên cứu của Lê Văn Quang (2018) đánh giá thực trạng công tác quản lý nhà nước về trợ giúp xã hội thông qua thực tiễn, đưa ra một số định hướng, giải pháp nhằm góp phần vào việc đảm bảo an sinh xã hội ở tỉnh Quảng Nam. Nhìn chung, các nghiên cứu trên đã đưa ra được cách nhìn tổng quát về an sinh xã hội, các giải pháp hoàn thiện Luật An sinh xã hội trong đó có chính sách về bảo trợ xã hội tại mỗi thời điểm nghiên cứu, nhưng chưa có nghiên cứu nào đi sâu phân tích những vấn đề đặt ra trong quá trình thực hiện chính sách trợ giúp xã hội ở cấp huyện, đặc biệt là với huyện miền núi có nhiều đặc điểm đặc thù riêng như ở huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Mục tiêu của nghiên cứu này là đánh giá việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội ở cấp huyện với trường hợp nghiên cứu tại huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả, hiệu lực hơn các chính sách trợ giúp xã hội cho địa bàn nghiên cứu.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Chọn điểm nghiên cứu

Huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai được chọn là điểm nghiên cứu do đây là huyện vùng cao, có nhiều dân tộc thiểu số, tỷ lệ hộ nghèo cao và thuộc danh sách ưu tiên phát triển của Chính phủ. Nghiên cứu tiếp cận thực hiện chính sách trợ giúp xã hội theo hai nhóm đối tượng chính là trợ giúp thường xuyên và trợ giúp đột xuất. Vì vậy, Bảo Hà và Xuân Hòa được chọn làm hai xã đại diện cho địa bàn nghiên cứu. Trong đó, xã Bảo Hà đại diện cho địa bàn tập trung nhiều đối tượng được hưởng trợ giúp xã hội thường xuyên như như hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật. Xã Xuân Hòa đại diện cho địa bàn thường xuyên chịu ảnh hưởng bởi thiên tai nên có nhiều đối tượng được nhận trợ giúp xã hội đột xuất.

2.2. Thu thập số liệu

Số liệu sơ cấp được thu thập từ các công trình nghiên cứu đã công bố như sách báo, tạp chí, website và báo cáo của phòng, ban về về tình hình trợ giúp xã hội của huyện Bảo Yên.

Số liệu sơ cấp được thu thập từ hai nhóm đối tượng. Với cán bộ, tác giả tiến hành phỏng vấn bằng bảng hỏi 9 cán bộ huyện và 34 cán bộ cấp xã phụ trách lao động, thương binh, xã hội ở 17/17 xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bảo Yên. Với đối tượng thụ hưởng chính sách trợ giúp xã hội, tác giả tiến hành phỏng vấn nhóm người được hưởng chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên và nhóm người được hưởng chính sách trợ giúp xã hội đột xuất. Các đối tượng thụ hưởng được lựa chọn bằng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên từ danh sách được cung cấp bởi cán bộ phụ trách lao động, thương binh, xã hội ở 2 xã Bảo Hà và Xuân Hòa. Cỡ mẫu được xác định dựa trên phương pháp xác định dung lượng mẫu của Yamane (1967):

$n = N/(1 + N \times e^2)$

Trong đó: n: Số lượng mẫu; N: Số lượng tổng thể; e: Sai số mẫu cho phép ở mức 5%.

Từ công thức xác định dung lượng mẫu trên, số mẫu cần khảo sát để đảm bảo tính đại diện là 88 mẫu. Nghiên cứu này tiến hành khảo sát 90 mẫu, tức vượt quá 2 mẫu khảo sát so với dung lượng mẫu tối thiểu của Yamane (1967). Hai mẫu khảo sát dự phòng trong trường hợp bị khuyết hoặc thiếu dữ liệu. Tuy nhiên, trong quá trình xử lý, nhóm tác giả thấy rằng cả 90 mẫu khảo sát đảm bảo chất lượng chỉ tiêu đo lường. Do vậy, nhóm quyết định sử dụng 90 mẫu phiếu để phân tích kết quả.

2.3. Phân tích số liệu

Dữ liệu thu thập được xử lý bằng phần mềm SPSS. Phương pháp thống kê mô tả, thống kê so sánh được sử dụng để phân tích thực trạng thực hiện chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn huyện. Nghiên cứu sử dụng thang đo Likert 5 mức độ (1: Rất thấp, 2: Thấp, 3: Trung bình, 4: Cao, 5: Rất cao) để thu thập ý kiến đánh giá của cán bộ và các đối tượng hưởng lợi. Theo đó, các khoảng điểm trung bình là 1,00-1,80; 1,81-2,60; 2,61-3,40; 3,41-4,20 và 4,21-5,00 tương ứng với mức Rất thấp, Thấp, Trung bình, Cao, Rất cao.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Bộ máy thực hiện chính sách trợ giúp xã hội ở huyện Bảo Yên

Thực hiện Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh Lào Cai quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, một số mức trợ giúp xã hội đối với các đối tượng trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Lào Cai, UBND huyện đã chỉ đạo Phòng Lao động, Thương Binh và Xã hội tham mưu triển khai thực hiện, phối hợp chặt chẽ với UBMTTQ huyện, các tổ chức đoàn thể trong huyện, các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các xã, thị trấn tuyên truyền phổ biến tiêu chuẩn, chế độ trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội, hướng dẫn các gia đình có đối tượng đủ điều kiện làm hồ sơ đề nghị hưởng chế độ theo quy định. Bộ máy thực hiện chính sách xã hội ở huyện Bảo Yên được thể hiện ở hình 1.

Nhìn chung, bộ máy tổ chức thực hiện chính sách trợ giúp xã hội của huyện được tổ chức khá chặt chẽ, đúng quy định, đảm bảo nhân lực và chất lượng nhân lực để thực hiện chính sách. Thực tế, cán bộ cấp huyện cũng thường xuyên chỉ đạo kịp thời cán bộ cấp xã triển khai các hoạt động của chính sách thông qua việc ban hành nhiều văn bản để triển khai hoạt động. Bên cạnh đó vẫn tồn tại một số hạn chế về bộ máy thực hiện chính sách ở cấp huyện. Kết quả phỏng vấn sâu cán bộ và người dân ở huyện cho thấy, một số cán bộ còn yếu kém về năng lực, trình độ trong thực hiện các quy định về trợ giúp xã hội. Mặt khác, một số cán bộ còn ỷ lại, đùn đẩy trách nhiệm cho cấp trên, dồn việc cho cấp dưới. Ý thức phục vụ nhân dân còn yếu kém, cố tình đặt ra nhiều loại văn bản, nhiều thủ tục nhiêu khê để "hành" dân.

3.2. Tuyên truyền, phổ biến chính sách trợ giúp xã hội

Công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về chính sách trợ giúp xã hội được thực hiện qua nhiều kênh khác nhau như đài truyền thanh,

pano, áp phích và các hội thảo chuyên đề, hội nghị. Hàng năm, UBND huyện chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tổ chức tuyên truyền, phổ biến về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tuyên truyền Luật Người cao tuổi, Luật Người khuyết tật, triển khai và các văn bản của tỉnh, huyện... Đặc biệt, huyện Bảo Yên đã tổ chức hội nghị tuyên truyền, mời giảng viên, cán bộ thuộc các phòng chuyên môn của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội truyền đạt nội dung cơ bản về: Luật Nuôi con nuôi; Đạo luật trẻ em; Đạo luật về Người khuyết tật; Luật Trẻ em; Luật Người khuyết tật... Đồng thời, hướng dẫn các bước lập hồ sơ, quy trình tiếp nhận đối tượng vào các cơ sở BTXH... cho cán bộ, nhân viên làm công tác phúc lợi xã hội cấp huyện, cấp xã.

UBND huyện Bảo Yên cũng đã chỉ đạo Phòng Văn hóa thông tin và Truyền thông, Ban Biên tập trang thông tin điện tử huyện, Trung tâm Văn hóa thể thao và Truyền thanh huyện tuyên truyền phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; các văn bản chỉ đạo của Bộ, ngành, tỉnh, huyện về chế độ, chính sách trợ giúp đối với các đối tượng trợ giúp xã hội trên các phương tiện thông tin đại chúng bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, kết hợp giữa tiếng phổ thông với tiếng dân tộc để các đối tượng, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số nắm bắt thực hiện.

Theo đánh giá của người dân về công tác tuyên truyền phổ biến chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn huyện Bảo Yên cho thấy, có 73,3% người dân đánh giá và 63,3% đánh giá là hình thức nội dung tuyên truyền dễ hiểu. Tuy nhiên, nội dung và hình thức tuyên truyền vẫn còn sơ sài, chưa thật sự dễ hiểu đối với người dân. Số người dân nắm được đầy đủ thông tin về chính sách chỉ có 46,7%, tỷ lệ người dân biết nhưng không hiểu chi tiết các nội dung còn chiếm tỷ lệ cao (45,6%) và số người dân không biết về chính sách còn chiếm 18,9%.

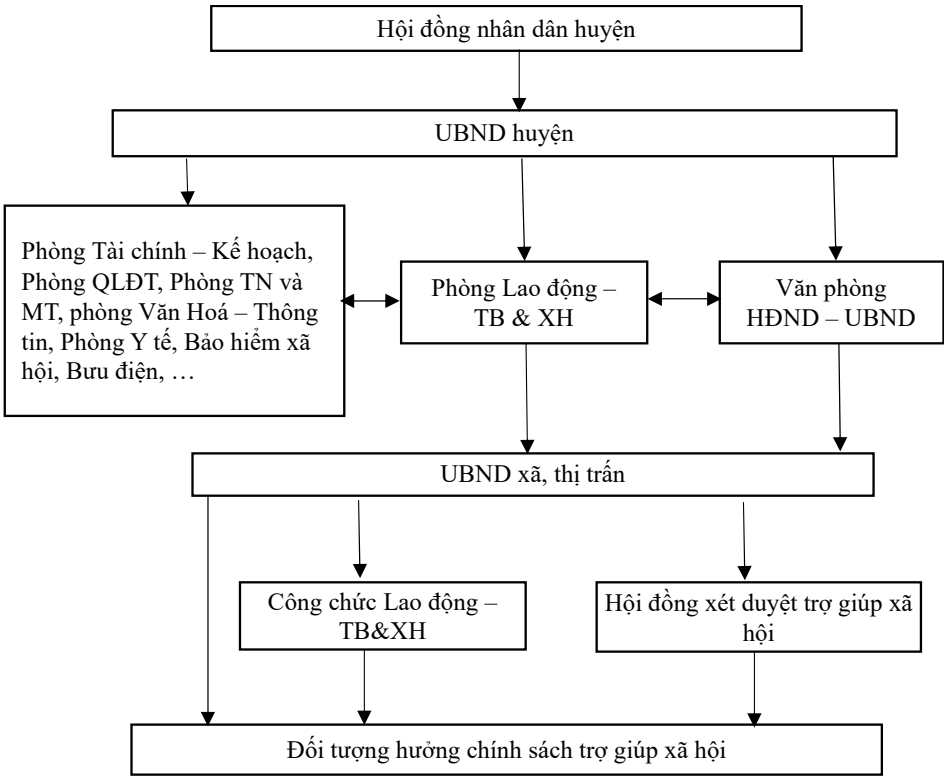

Ghi chú: ⟶ *: Quan hệ phối hợp;* ⟷ *: Quan hệ chỉ đạo.*

Nguồn: UBND huyện Bảo Yên (2023).

Hình 1. Bộ máy thực hiện chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn huyện Bảo Yên

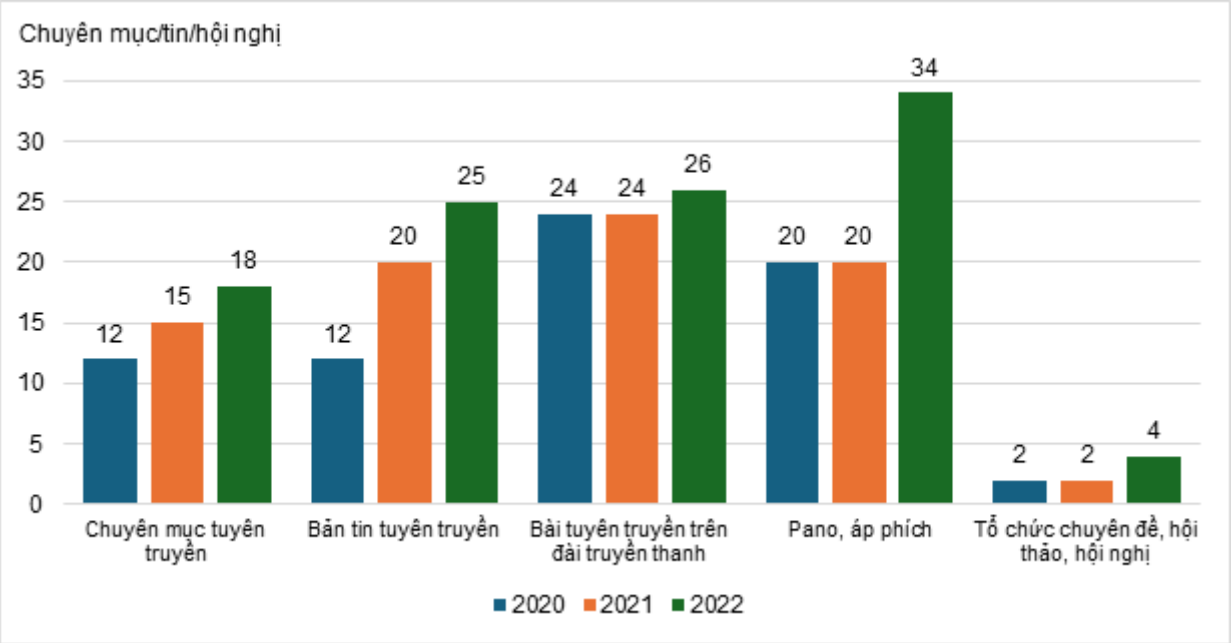

Nguồn: Phòng Lao động, Thương Binh và Xã hội huyện Bảo Yên (2023).

Hình 2. Hoạt động tuyên truyền chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn huyện Bảo Yên giai đoạn 2020-2022

Bảng 1. Đánh giá của người dân về công tác tuyên truyền phổ biến chính sách trợ giúp xã hội ở huyện Bảo Yên (năm 2023)

Nội dung	Đối tượng hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên (n = 55)		Đối tượng hưởng trợ cấp xã hội đột xuất (n = 35)		Chung (n = 90)	
	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Công tác tuyên truyền được phổ biến thường xuyên	42	76,4	24	68,6	66	73,3
Hình thức, nội dung tuyên truyền dễ hiểu	42	76,4	15	42,9	57	63,3
Nắm được đầy đủ các thông tin về chính sách	34	61,8	8	22,9	42	46,7
Biết về chính sách nhưng không hiểu chi tiết các nội dung	21	38,2	20	57,1	41	45,6
Không biết về các chính sách hỗ trợ	3	5,5	14	40,0	17	18,9

Tuy nhiên, công tác tuyên truyền chính sách trợ giúp xã hội còn gặp một số khó khăn, hạn chế như sau: Một là, công tác tuyên truyền về Luật Người cao tuổi ở một số ít địa phương chưa được quan tâm đúng mức do những khó khăn về địa bàn miền Núi và nhận thức hạn chế của người cao tuổi là đồng bào dân tộc thiểu số. Hai là, công tác tuyên truyền, vận động kết nạp người cao tuổi vào Hội ở một số Hội cơ sở và chi hội thiếu tính vận động, thuyết phục, tỷ lệ tập hợp hội viên còn thấp. Ba là, việc tổ chức thực hiện các phong trào thi đua, khen thưởng, nhân rộng các điển hình trong thực hiện chính sách còn hạn chế, chưa động viên kịp thời những cán bộ và đối tượng hưởng lợi tiêu biểu.

3.3. Thực hiện trợ giúp xã hội đối với người có công

Huyện đã thực hiện Chương trình khảo sát về mức sống và nhu cầu nhà ở của người có công trên địa bàn huyện trong năm, trong đó tập trung khảo sát, đánh giá thực trạng nhà tình nghĩa, làm cơ sở xây dựng các đề án thực hiện

chính sách hỗ trợ, chăm lo cho người có công theo từng nhóm đối tượng cụ thể. Thực hiện mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với từng đối tượng người có công với cách mạng; mức trợ cấp thương tật đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; mức trợ cấp thương tật đối với thương binh loại B.

Về quy trình thẩm định: Việc thẩm định hồ sơ đối tượng BTXH tại huyện được thực hiện theo quy trình quy định tại Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ. Sau khi nhận được hồ sơ của đối tượng và văn bản đề nghị của UBND cấp xã. Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện thẩm định, tổng hợp trình UBND huyện quyết định trợ cấp, thôi hưởng trợ cấp, điều chỉnh trợ cấp, cấp kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng đủ điều kiện. Theo kết quả tổng hợp có thể thấy, hàng năm huyện đã quan tâm thực hiện các chính sách hỗ trợ người có công. Hoàn thành công tác chi trả trợ cấp ưu đãi người có công nhanh gọn, kịp thời cho trên 3.304 đối tượng, với tổng số tiền chi trả giai đoạn 2020-2022 trên 43 tỷ đồng. Với mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng hàng tháng là 1.110.000 đồng. Ngoài ra, ngoài trợ cấp hàng tháng, huyện cũng thực hiện chi trả, hỗ trợ người có công điều dưỡng tại nhà và tập trung. Chi trả trợ cấp xã hội một lần cho các đối tượng người có công.

Tuy nhiên, theo đánh giá của nhóm đối tượng thu hưởng là người có công, mức trợ cấp theo cơ chế chính sách của Nhà nước còn chưa phù hợp. Mức trợ cấp điều chỉnh chậm và thấp hơn so với mức điều chỉnh lương tối thiểu hàng năm cũng như biến động giá thị trường do ảnh hưởng của lạm phát.

3.4. Thực hiện trợ giúp xã hội đối với hộ nghèo

Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện đã tham mưu cho UBND huyên Bảo Yên triển khai Kế hoạch giảm nghèo hàng năm. Xây dựng triển khai thực hiện kế hoạch rà soát điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình. Kết quả là đến cuối năm 2022 hộ nghèo của huyện giảm còn 2.663 hộ, tỷ lệ 12,52%; Hộ cận nghèo giảm còn 2.440 hộ, tỷ lệ 11,48%.

Bảng 2. Thực hiện trợ cấp với người có công ở huyện Bảo Yên giai đoạn 2020-2022 (Người)

Chỉ tiêu	Năm			So sánh		
	2020	2021	2022	21/20	22/21	BQ chung
Thương binh	115	113	109	98,3	96,5	97,4
Bệnh binh	53	52	50	98,1	96,2	97,1
Người/con hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	298	285	277	97,1	96,6	96,9
Thân nhân liệt sỹ	103	96	95	93,2	99,0	96,0
Tuất người có công từ trần	27	26	27	96,3	103,8	100,0
Số đối tượng hưởng 1 lần huân, huy chương	2.860	2.791	2.734	97,6	98,0	97,8
Đối tượng khác	20	20	20	100,0	100,0	100,0
Tổng số người có công	3.468	3.375	3.304	97,3	97,9	97,6

Nguồn: Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện Bảo Yên (202 -2023).

Bảng 3. Thực hiện trợ cấp với hộ nghèo giai đoạn 2020-2022

Nội dung	2020		2021		2022	
	Số lượng (người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượng (người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượng (người)	Kinh phí (triệu đồng)
Cấp thẻ BHYT cho hộ nghèo và cận nghèo	12.801	9.961,6	8.589	6.478,4	12.634	9.924,9
Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và cận nghèo	2.820	1.861,2	2.050	1.353,0	4.286	2.827,9

Nguồn: Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện Bảo Yên (2023).

Năm 2022, tổng hợp kết quả rà soát toàn huyện còn 837 hộ có khó khăn về nhà ở trên địa bàn. Năm 2022, huyện đã huy động từ các nguồn xã hội hóa hỗ trợ 108 hộ gia đình, tổng kinh phí thực hiện hỗ trợ xây dựng mới và sửa chữa nhà ở là 4.402,7 triệu đồng. Mặc dù huyện đã rất tích cực trong việc huy động nguồn vốn từ ngân sách và vốn xã hội hóa để hỗ trợ về nhà ở cho hộ nghèo nhưng tỷ lệ hộ được hỗ trợ còn khá hạn chế, mới chỉ chiếm 12,9% và bình quân mỗi hộ nhận được 40 triệu đồng, thấp hơn nhiều so với tổng chi phí đầu tư xây mới hoặc sửa chữa nhà ở của các hộ nghèo.

3.5. Thực hiện trợ giúp xã hội đối với người cao tuổi

Sau khi Luật Người cao tuổi và Luật Người khuyết tật có hiệu lực thi hành, UBND huyện đã ban hành và triển khai đầy đủ, kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các văn bản của tỉnh đối với các đối tượng này trên địa bàn huyện. Công tác chăm sóc sức khoẻ người cao tuổi đã được các đơn vị y tế, các cơ sở khám, chữa bệnh thực hiện nghiêm túc theo Luật Người cao tuổi. Các trạm y tế xã, thị trấn đã chủ động khảo sát, kiểm tra, thống kê, lập danh sách người cao tuổi trên địa bàn để lập hồ sơ theo dõi, quản lý sức khỏe; thường xuyên cử cán bộ trạm y tế, y tế thôn bản xuống thu thập thông tin, đến các hộ gia đình có người cao tuổi tư vấn sức khỏe hoặc khám chữa bệnh. Cùng với công tác khám chữa bệnh, ngành y cũng quan tâm đến công tác y tế dự phòng, triển khai có hiệu quả các dự án thuộc chương trình mục tiêu y tế quốc gia. Công tác khám chữa bệnh, quản lý sức khỏe, truyền thông, phổ biến kiến thức về chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Về công tác hỗ trợ đời sống tinh thần, các câu lạc bộ văn hóa thể thao dành cho người cao tuổi được thành lập, giúp người cao tuổi có điều kiện rèn luyện sức khỏe, tinh thần thoải mái. Hội người cao tuổi thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt định kỳ hàng quý để người cao tuổi có thời gian gặp gỡ, trò chuyện, thăm hỏi, động viên nhau.

Về công tác phát huy vai trò của người cao tuổi, 100% các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đã thành lập Hội người cao tuổi cấp xã. Toàn huyện đã có gần 500 người cao tuổi tham gia công tác Đảng, chính quyền, MTTQ, các đoàn thể, các tổ chức hội ở khu dân cư, tham gia phòng chống tội phạm, hòa giải, vận động nhân dân, con cháu, gia đình nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy chế dân chủ ở địa phương. Người cao tuổi trên địa bàn huyện tích cực hưởng ứng tham gia và có vai trò quan trọng trong cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, xây dựng hương ước, quy ước, xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa; công tác khuyến học, khuyến tài.

3.6. Giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn huyện Bảo Yên

Nhằm tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác giải quyết chế độ, chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng trên địa bàn huyện; UBND huyện đã chỉ đạo Phòng Lao động, Thương Binh và Xã hội và các cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện trợ giúp xã hội cho các đối tượng trợ giúp xã hội trên địa bàn. Huyện đã thành lập đoàn giám sát của Ban Kinh tế - Xã hội do HĐND huyện thực hiện, đã giám sát trực tiếp tại 17 đơn vị xã, thị trấn trên địa bàn huyện về tình hình triển khai thực hiện các chế độ chính sách trợ giúp xã hội.

Bên cạnh những kết quả đạt được, qua giám sát cho thấy việc thực hiện chính sách hỗ trợ vẫn còn những tồn tại, hạn chế cần khắc phục như: Việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ đề nghị hưởng chế độ cho các đối tượng trợ giúp xã hội ở cơ sở còn gặp nhiều khó khăn, khâu tiếp nhận hồ sơ ở cơ sở có lúc chậm, việc xác định đối tượng có lúc gặp khó khăn,. Công tác quản lý các đối tượng cập nhật thay đổi tăng/giảm và điều chỉnh các đối tượng còn nhiều bất cập, đôi chỗ chưa kịp thời. Việc kiểm tra đối tượng, lập thủ tục cấp và quản lý thẻ BHYT ở một số xã còn sai sót, chậm, sót đối tượng.

Bảng 4. Tình hình thực hiện chính sách người cao tuổi ở huyện Bảo Yên

Nội dung	2020		2021		2022	
	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)
Tổng số người cao tuổi	8.543	100,0	8.860	100,0	8.971	100,0
Trợ cấp BHXH	1.342	15,71	1.587	17,91	1.721	19,18
Trợ cấp người có công	689	8,07	151	1,70	151	1,68
Trợ cấp BTXH thường xuyên	1.021	11,95	1.055	11,91	1.208	13,47
Chưa đến tuổi hưởng chế độ	5.491	64,27	6.067	68,48	5.891	65,67

Nguồn: Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện Bảo Yên (2023).

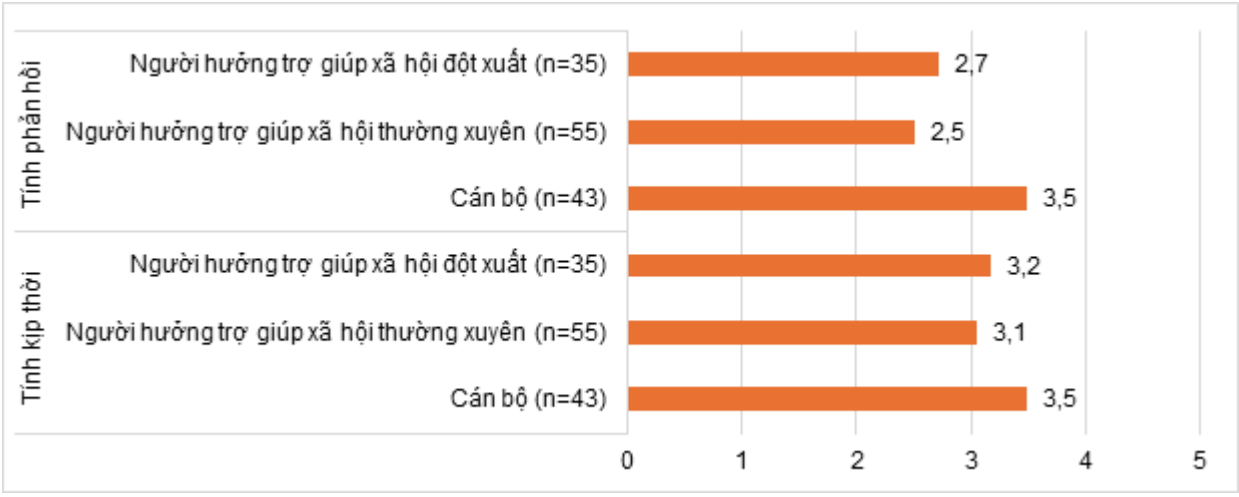

Ghi chú: 1 - Rất thấp; 2 - Thấp; 3 - Trung bình; 4 - Cao; 5 - Rất cao.

Hình 3. Đánh giá của cán bộ và người dân về giải quyết hồ sơ, đơn thư, khiếu nại về trợ giúp xã hội tại huyện Bảo Yên (năm 2023)

Bảng 5. Tổng hợp kết quả giải quyết chính sách trợ giúp xã hội giai đoạn 2020-2022

Đối tượng	Hồ sơ đề nghị	Hồ sơ đủ điều kiện giải quyết	Tỷ lệ giải quyết (%)
Đối tượng trợ cấp thường xuyên	**4.299**	**4.205**	97,8
Trẻ em mồ côi	8	7	87,5
Người đơn thân	48	48	100,0
Người cao tuổi	488	485	99,4
Người khuyết tật	242	236	97,5
Mai táng phí	215	215	100,0
Bảo hiểm y tế	3.298	3.214	97,5
Đối tượng hưởng đột xuất	**941**	**906**	96,3

Nguồn: Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện Bảo Yên (2023).

Kết quả khảo sát cho thấy vẫn có nhiều người cho rằng việc giải quyết hồ sơ xin chế độ, trợ giúp của người dân còn chậm trễ. Một số người khiếu nại vẫn chưa hài lòng với kết quả giải quyết. Nguyên nhân là do công tác giải quyết khiếu nại chưa đồng bộ giữa các bộ phận, chưa nắm bắt hết được quyền lợi của các đối tượng. Phòng Lao động, Thương Binh và Xã hội cũng

chưa quản lý tốt việc xử lý hồ sơ, đơn, thư khiếu nại của người dân. Mặt khác, theo đánh giá của đối tượng thụ hưởng, tính phản hồi của cán bộ đối với dân trong việc giải quyết đơn thư cũng còn chậm và chưa thật sự dân chủ, công khai.

3.7. Kết quả thực hiện chính sách trợ giúp xã hội ở huyện Bảo Yên

Công tác chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng trên địa bàn huyện thực hiện khá tốt vào ngày 05 hằng tháng sẽ có thông báo cho các đối tượng được trợ giúp xã hội đến nhận tiền trợ cấp tại bưu điện xã, thị trấn.

Kết quả khảo sát người thụ hưởng cho thấy đa số đối tượng thụ hưởng trợ giúp xã hội đều đánh giá thủ tục chưa thật sự đơn giản do thang điểm bình quân likert ở mức dưới trung bình ở cả 2 nhóm trợ cấp thường xuyên và đột xuất (Hình 3). Như vậy, việc lập hồ sơ để nhận tiền hỗ trợ đối tượng trợ giúp thường xuyên trên địa bàn huyện còn phức tạp, gây khó khăn cho người dân. Tỷ lệ thủ tục còn rườm rà dẫn đến đối tượng khó hoàn thành thủ tục nhận hỗ trợ, đối tượng tham gia BHXH là người cao tuổi, khiếm thính, mù chữ, tàn tật, người có hoàn cảnh khó khăn trong việc đi lại và việc ủy quyền đòi hỏi nhiều giấy tờ phức tạp nên các đối tượng này gặp khó khăn trong việc chuẩn bị hồ sơ, giấy tờ để được hưởng lợi từ đề án phúc lợi. Vì vậy, cần có đội ngũ chuyên phát tiền mặt tận nhà cho người già, người mù chữ, điếc, mù và tàn tật để tăng cường hiệu lực của chính sách, tạo sự đồng cảm và an tâm cho đối tượng này. Ở nhiều xã, thị trấn, một số đối tượng không thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi, nhưng do chưa giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện chi trả nên được nhận trợ giúp; một bộ phận đối tượng nhận trợ giúp thường xuyên thật sự nhưng do bị mất các giấy tờ cần thiết nên chưa được hưởng chính sách hỗ trợ. Công tác giám sát thực hiện chi trả chính sách trợ giúp ở các cấp còn hạn chế. Hệ thống chính sách trợ giúp xã hội thường được thiết kế khá phức tạp nên khó quản lý, giám sát từ khâu thẩm định, phê duyệt đến chi trả trợ cấp.

Về tính kịp thời trong chi trả trợ cấp, theo đánh giá của đối tượng thụ hưởng trợ cấp một lần trên địa bàn huyện đã đạt được những kết quả tốt, đa số người dân đánh giá là chi trả rất kịp thời với mức điểm đánh giá khá cao. Tuy nhiên, với đối tượng hưởng trợ cấp thường xuyên thì việc chi trả trợ cấp còn chậm, muộn hơn so với quy định của Nhà nước hoặc kế hoạch của huyện.

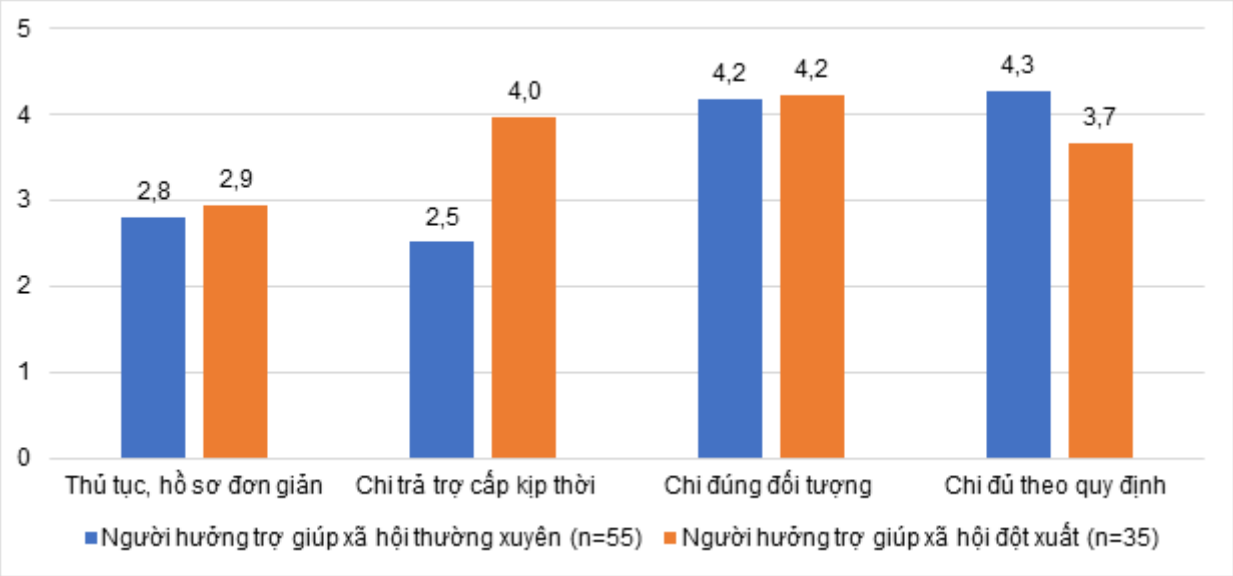

Ghi chú: 1 - Rất thấp; 2 - Thấp; 3 - Trung bình; 4 - Cao; 5 - Rất cao.

Hình 4. Đánh giá đối tượng thụ hưởng về việc thực chính sách trợ giúp xã hội (năm 2023)

Về mức độ chi đúng đối tượng được hỗ trợ, được đánh giá đúng chế độ quy định, mức điểm bình quân đạt 4,2 ở cả hai nhóm đối tượng thụ hưởng. Hiện nay, sự thay đổi về mức hưởng và điều chỉnh nguồn kinh phí cho các hoạt động trợ giúp xã hội thường xuyên đã góp phần quan trọng vào việc giảm bớt khó khăn và cải thiện đời sống của những người nghèo. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều tồn tại như: mức trợ cấp cho các nhóm đối tượng còn quá thấp và trung bình. Ví dụ, người cao tuổi neo đơn, hộ nghèo, người từ 85 tuổi trở lên không có lương hưu… đều được hưởng như nhau với hệ số 1,0. Một bất cập khác là việc điều chỉnh mức hưởng còn chậm và không kịp thời liên quan đến các yếu tố khác như mức lương và biến động giá cả thị trường

Về mức độ chi đúng theo quy định được đánh giá ở mức trung trình đến cao ở hai nhóm đối tượng thụ hưởng. Điều này cho thấy, việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội ở huyện đã được triển khai theo đúng quy định hiện hành và được người dân đánh giá tốt.

4. KẾT LUẬN

Huyện Bảo Yên đã ban hành kế hoạch và đề án để cụ thể hoá chính sách này, hỗ trợ hàng tháng cho 568 người có công, 1.026 người cao tuổi, 916 người khuyết tật và 19 trẻ em mồ côi trong năm 2022. Huyện cũng hỗ trợ cấp thẻ bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe, dạy nghề và nâng cao đời sống tinh thần cho các đối tượng thuộc diện trợ cấp xã hội thường xuyên. Mặc dù vậy, việc thực hiện chính sách còn nhiều bất cập, hạn chế như chồng chéo chính sách, tuyên truyền hạn chế, kinh phí thấp, mức trợ cấp thấp và đội ngũ cán bộ chưa có trình độ chuyên sâu và đánh giá của người dân về thực hiện chính sách còn rất thấp ở khâu tiếp nhận thủ tục hồ sơ và tính kịp thời trong chi trả các khoản trợ cấp.

Để tăng cường thực hiện chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn, huyện Bảo Yên cần tập trung thực hiện một số giải pháp trọng tâm như sau. Thứ nhất, hoàn thiện bộ máy tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức thực hiện chính sách trợ giúp xã hội; Tránh tình trạng chồng chéo hoặc bỏ sót công việc, đùn đẩy trách nhiệm; Phân cấp mạnh mẽ cho các địa phương, cơ cấu quản lý toàn diện, thực hiện các chính sách/chương trình trợ giúp xã hội. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, kiểm tra, giám sát cán bộ công chức, kiểm tra việc thực hiện chính sách theo đúng tiến độ, xử lý chế độ chính trị kịp thời, đúng đối tượng, không để tái phạm để xảy ra oan sai, vụ lợi. Thứ hai, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về trợ giúp xã hội; Tập trung đổi mới nội dung, hình thức phổ biến, tuyên truyền chính sách trợ giúp xã hội, khắc phục những tồn tại, hạn chế của công tác này trong thời gian qua; Tìm kiếm, biểu dương và tuyên truyền rộng rãi trong xã hội những tấm gương tiêu biểu về người được hưởng trợ giúp xã hội như người tàn tật, người cao tuổi có thành tích xuất sắc. Thứ ba, tăng cường sự phối, kết hợp giữa các ngành và chính quyền địa phương các cấp trong thực hiện chính sách trợ giúp xã hội. Thứ tư, tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, đánh giá và xử lý vi phạm trong quá trình thực hiện chính sách trợ giúp xã hội. Xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra có đạo đức, phẩm chất trong sáng, bản lĩnh chính trị vững vàng; có kế hoạch tập huấn nghiệp vụ kiểm tra, giám sát cho đội ngũ cán bộ làm công tác thanh tra huyện đến cơ sở để đáp ứng tốt hơn yêu cầu công việc trong tình hình mới; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên, định kỳ việc tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách trên địa bàn, đảm bảo công tác quản lý đối tượng, công tác quản lý thực hiện các chính sách đi kèm của các đối tượng công tác xã hội và giảm nghèo được chặt chẽ, có hệ thống. Đồng thời, cải cách thủ tục hành chính theo hướng rút ngắn thời gian, quy trình giải quyết chính sách trợ giúp xã hội, theo nhu cầu của người dân, công khai, minh bạch bảo đảm đúng quy định và thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Nhà nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2023). Nghị Quyết 42-NQ/TW của Trung ương Đảng về đổi mới chính sách xã hội.

Chính phủ (2021). Nghị định 20/2021/NĐ- CP có hiệu lực tư ngày 1/7/2021 Về quy định chính sách trợ giúp xã hội các đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Chính phủ (2013). Nghị định 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 Về quy định chính sách trợ giúp xã hội các đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Cục bảo trợ xã hội (2000). Hệ thống các văn bản pháp luật về bảo trợ xã hội. Nhà xuất bản Lao động - Xã hội.

ILO Việt Nam (2024). Báo cáo an sinh xã hội thế giới giai đoạn 2024-2026. Truy cập từ https://www.ilo.org/sites/default/files/2024-10/ILO_WSPR_2024_Asia_and_Pacific_VN_full_20241025_fn.pdf, ngày 1/11/2024

Lê Bạch Dương, Đặng Nguyên Anh, Khuất Thu Hồng, Lê Hoài Trung & Robert Leroy Bach (2005). Bảo trợ xã hội cho những nhóm thiệt thòi ở Việt Nam. Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội.

Lê Quốc Lý (2014). Chính sách an sinh xã hội: Thực trạng và giải pháp. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật.

Lê Văn Quang (2018). Quản lý nhà nước về bảo trợ xã hội trên địa bàn huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Luận án tiến sĩ Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

Nguyễn Hải Hữu (2007). Giáo trình nhập môn an sinh xã hội. Nhà xuất bản Lao động - Xã hội, Hà Nội.

Nguyễn Ngọc Toản (2010). Chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên cộng đồng Việt Nam. Luận án tiến sĩ Đại học Kinh tế Quốc dân.

Phòng Lao động, Thương Binh và Xã hội huyện Bảo Yên (2020). Tình hình thực hiện công tác Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2020; phương hướng, nhiệm vụ năm 2021.

Phòng Lao động, Thương Binh và Xã hội huyện Bảo Yên (2021). Tình hình thực hiện công tác Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2021; phương hướng, nhiệm vụ năm 2022.

Phòng Lao động, Thương Binh và Xã hội huyện Bảo Yên (2022). Tình hình thực hiện công tác Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2022; phương hướng, nhiệm vụ năm 2023.

Sở Tài chính tỉnh Lào Cai (2024). Báo cáo tình hình Quyết toán ngân sách tỉnh Lào Cai năm 2022.

UBND huyện Bảo Yên (2022). Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội giai đoạn 2020-2022.

Yamane Taro (1967). Statistics: An Introductory Analysis, 2nd Edition, New York: Harper and Row.